

ĐI

# SỬ SỬ

225  
2011

NĂM THỨ HAI MƯƠI TÁM

ĐI

ISSN-086-7683. GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ: 166/GP-BVHTT. Email: [tslsgs@yahoo.com](mailto:tslsgs@yahoo.com); [tslsgs@gmail.com](mailto:tslsgs@gmail.com)  
TOÀ SOẠN: 3<sup>º</sup> HOÀNG DIỆU, BA ĐÌNH, HÀ NỘI. ĐIỆN THOẠI: (04)3733 4883; (069) 553 093; Fax: 84-4-3733 4883  
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC PHÍA NAM: 16B/4c Cửu Long, phường 2, quận Tân Bình, T.p Hồ Chí Minh. ĐIỆN THOẠI: (08) 3848 5014; (069) 665102.

## MỤC LỤC

<b>Vũ Dương Ninh</b>	Tuyên ngôn Độc lập-Từ quyền tự nhiên của con người đến quyền độc lập, tự do của dân tộc	3
<b>Trần Trọng Trung</b>	Sự lãnh đạo của Thường vụ Trung ương trước Cách mạng Tháng Tám	8
<b>Phan Xuân Trà</b>	Bộ Tổng tham mưu-từ chuyển hướng tiến công chiến lược đến chuyển mục tiêu mở màn chiến dịch Biên giới	13
<b>Hoàng Minh Phương</b>	Bác Hồ tại Sở chỉ huy chiến dịch Biên giới	20
<b>Nguyễn Khắc Huỳnh</b>	Từ phá vây về ngoại giao đến phá vây biên giới	24
<b>Trần Chiến Thắng</b>	Chiến dịch Biên giới Thu-Đông năm 1950-bước ngoặt cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp	29
<b>Phạm Hoàng Sâm</b>	Đội thanh niên xung phong công tác Trung ương với chiến dịch Biên giới (1950)	32
<b>Việt Dũng</b>	Cuộc hành quân đầy "đông tử"	36
<b>Ngô Vương Anh</b>	Một số hoạt động của Hồ Chí Minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai	42
<b>Nguyễn Văn Định</b>	Hoàng Dương-Tử Dương-trận đánh vận động xuất sắc ở đồng bằng Bắc Bộ	48
<b>Trần Thuý Hiền</b>	Cuộc nổi dậy làm chủ thành phố Đà Nẵng (từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1966)	51
<b>Trần Thị Lan</b>	Căn cứ Krông Bông trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	57
<b>Vũ Thanh Sơn</b>	Đề Yêm với khởi nghĩa Tuyết Sơn	62
<b>Trần Thị Thái Hà</b>	Hành cung Thiên Trường-Hậu cứ của nhà Trần trong kháng chiến chống Mông-Nguyên xâm lược	67
<b>TRANG TƯ LIỆU</b>		
<b>Trần Hồ Nam</b>	Thu-Đông 1950-Tướng Trần Canh và đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc sang Việt Nam	72
<b>Nguyễn Văn Kiệm</b>	Tiểu đoàn 810 - Tuyên Đức	76
<b>Trần Văn Thức</b>	Mười Cô gái Lam Hạ - "Đồng Lộc" của Phủ lý (Hà Nam)	79
<b>ĐỊA DANH LỊCH SỬ</b>		
<b>Hoàng Chí Hiếu</b>	Bến đò Tùng Luật B	83
<b>SÁCH NƯỚC NGOÀI</b>		
<b>Jean farret</b> <b>Lê Kim (lược dịch)</b>	Cuộc rút chạy từ Cao Bằng đến Lạng Sơn	87
<b>LỊCH SỬ QUÂN SỰ THẾ GIỚI</b>		
<b>Hồng Việt Quân</b>	Sự ra đời của đơn vị Tabor trong đội quân viễn chinh Pháp	94
<b>LỊCH SỬ VÀ NHÂN CHỨNG</b>		
<b>Phạm Xưởng</b>	"Để Bác không đau"	96
<b>"DỌN VƯỜN" LỊCH SỬ</b>		
<b>LỊCH SỬ QUÂN SỰ ĐÓ... ĐÂY</b>		
<b>TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC</b>		
		100



## ĐỊA DANH LỊCH SỬ

# Bến dò Tùng Luật B

HOÀNG CHÍ HIẾU (\*)

**B**ến dò Tùng Luật (thuộc thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh) là một trong 10 địa điểm được chọn làm nơi qua lại đôi bờ Hiền Lương sau Hiệp định Genève 1954. Từ năm 1960 trở đi, bến dò là nơi xuất kích của lực lượng trinh sát chính trị “*ăn cơm Bắc, đánh giặc Nam*”, vượt sông vào Nam diệt ác ôn, hỗ trợ cho phong trào phá kềm ở Nam tuyến. Từ 1965, khi phong trào cách mạng của nhân dân bờ Nam phát triển, vùng Đông Gio Linh được giải phóng, yêu cầu chi viện của chiến trường Gio-Cam<sup>(1)</sup> và xa hơn là vùng Đông Triệu Phong ngày càng lớn, thì Tùng Luật được Bộ chỉ huy quân sự Vĩnh Linh chọn, làm điểm vượt sông chính, bởi nó hội tụ được những yếu tố thuận lợi về địa-quân sự:

- Đây là con đường ngắn nhất nối Vĩnh Linh với chiến trường Gio Linh, Triệu Phong, Đông Hà nhưng xa tầm khống chế của pháo binh địch tại các căn cứ Côn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang.

- Bến dò nằm sát khu vực dân cư, địa hình xen lẫn những đồi đất đỏ thấp, cây cối nhiều, lợi thế cho việc ém quân và tập kết hàng hóa.

- Bến dò cách Cửa Tùng (nơi sông Hiền Lương đổ ra biển) 2 km theo đường sông, rất thuận tiện cho việc vận chuyển tiếp tế cho đảo Côn Cỏ.

- Phần bờ Bắc của bến dò nối liền với hệ thống giao thông hào và đường liên xã

chằng chịt. Bờ Nam thuộc xã Trung Giang<sup>(2)</sup> nằm trong tuyến hành lang chiến lược Đông Gio Linh, nối dải đồng bằng ven biển từ Vĩnh Linh vào đến Thừa Thiên Huế, đã được giải phóng trong những năm 1964-1965<sup>(3)</sup>. Với những lợi thế đó, bến dò Tùng Luật thực sự là điểm đứng chân, xuất phát an toàn của các lực lượng và hàng hóa trước khi vượt sông vào chiến trường.

Lúc đầu, Tùng Luật được sử dụng làm bến chung, vừa vận chuyển người và vũ khí vào, vừa chuyển thương binh, tử sĩ từ Nam ra. Sau một thời gian, nhận thấy việc di chung một bến dò sẽ ảnh hưởng rất lớn về mặt tâm lý đối với các chiến sĩ trẻ từ miền Bắc vào chiến đấu nên từ tháng 5-1967, việc chuyển thương binh, tử sĩ trong Nam ra được chuyển sang bến dò Cổ Mỹ (gọi là Bến dò C, Tùng Luật gọi là Bến dò B, còn Bến dò A ở Cửa Tùng thuộc xã Vĩnh Quang).

Từ 1967 đến 1973, bến dò đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và xã đội Vĩnh Giang. Tại đây thường xuyên có một đại

(\*) Th.S, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.

<sup>(1)</sup> Gồm Gio Linh và Cam Lộ, chiến trường này chủ yếu đánh tàu địch trên sông Cửa Việt, đoạn từ Cửa Việt lên đến Đông Hà và các căn cứ trên tuyến hàng rào điện tử Mc. Namara.

<sup>(2)</sup> Thuộc quận Trung Lương của chính quyền Sài Gòn, nay thuộc huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

<sup>(3)</sup> Xem thêm: Hoàng Chí Hiếu, *Phong trào đấu tranh cách mạng ở đồng bằng Trị-Thiên (1964-1965)*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 219 và 221, năm 2010.

đội dân quân gồm 80 người (lúc cao điểm lên tới 110 người), phiên chế thành 4 phân đội: Phân đội chèo thuyền vượt sông, rà phá bom mìn; Phân đội vận tải, tiếp tế cho Côn Cỏ; Phân đội bảo vệ pháo phòng không 12,7 ly và đại liên; Phân đội đào địa đạo, công sự, hầm hào, lán trại, tổ chức cứu thương, di chuyển thương binh, tử sĩ và tập kết hàng hóa. Ngoài ra, khi tình hình đột biến, yêu cầu vận tải tăng lên, bến đò còn nhận được sự hỗ trợ của các thôn xã lân cận.

Về phương tiện, ngoài số thuyền tự có của nhân dân và hợp tác xã Xuân Tùng, bến đò còn được Bộ Quốc phòng cấp 14 khoang phao ghép, Bộ tư lệnh Hải quân cấp 4 xuồng cao su, 1 thuyền gỗ, với tổng cộng trọng tải là 75 tấn.

Để phục vụ chiến đấu và vận chuyển, tại bến đò có 2 hầm chữ A, mỗi hầm có từ 3-5 người, 1 lán dùm để phục vụ sinh hoạt. Xung quanh khu vực bến đò, một hệ thống hầm hào dày đặc được xây dựng, nối liền hoàn với không những toàn xã Vĩnh Giang mà còn với toàn Khu vực Vĩnh Linh. Người và hàng hóa từ tuyến sau theo hệ thống giao thông hào này, tập kết ở bến đò được chùng nào thì cho qua từng ấy, không để ứ tắc.

Về phương thức vận chuyển. Mọi hoạt động chỉ diễn ra ban đêm. Ban ngày thuyền được bỏ đá nhấn chìm xuống nước hoặc giấu nơi kín đáo. Mỗi thuyền nhỏ được bố trí 2-3 người, thuyền ghép bố trí 6 người. Để giảm thiểu thiệt hại, tại đây đã phát minh ra phương thức vận chuyển rất khoa học. Mỗi lần vượt sông, có 2 chiếc đi trước vừa vận chuyển, vừa rà phá bom mìn. Lúc hai chiếc này ra giữa dòng, hai chiếc sau mới xuất phát. Trong trường hợp hai chiếc đầu gặp nạn, hai chiếc sau sẽ làm nhiệm vụ cứu hộ. Khi hai chiếc đầu cập bến thì hai chiếc sau ra

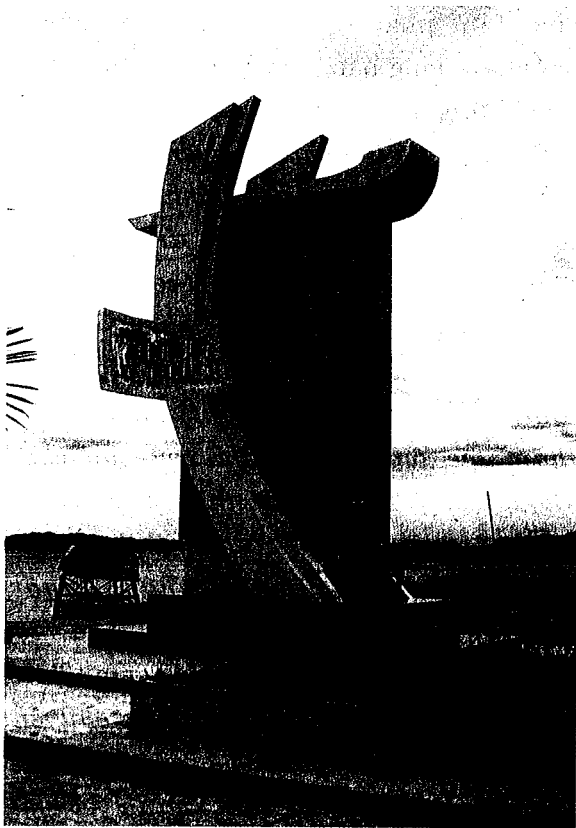
đến giữa dòng, khi đó, nếu hai chiếc sau gặp sự cố thì hai chiếc đầu (đã là thuyền không) sẽ làm công tác cứu hộ.

Nhằm cứu vãn nguy cơ thất bại trên chiến trường Quảng Trị<sup>(1)</sup> và ngăn chặn triệt để sự chi viện từ miền Bắc, từ đầu năm 1967 trở đi, Mỹ mở rộng quy mô chiến tranh phá hoại ở Vĩnh Linh-điểm nút cuối cùng của tuyến hành lang vận tải chiến lược trước khi vào Nam-không chỉ bằng không quân, hải quân mà cả bằng pháo binh. Quân Mỹ tăng cường pháo 175 ly tầm xa từ căn cứ Côn Tiên, Dốc Miếu bắn ra, pháo 400 ly từ biển bắn vào, sử dụng các loại bom bi, napalm, bom từ trường, thậm chí rải cả chất độc hóa học xuống,... Theo thống kê, trên diện tích chưa đầy 1.500 m<sup>2</sup> của bến đò, địch đã huy động hơn 1.200 lần tốp máy bay phản lực với trên 3.200 lần ném bom, 7 lần dùm B.52 rải thảm, 3 lần dùm chất độc hóa học phát quang, hơn 1.500 lần pháo kích từ Côn Tiên, Dốc Miếu, Hạm đội 7. Bến đò đã hứng chịu hơn 12.000 quả bom, gần 700.000 quả đạn pháo các loại, có ngày địch bắn xuống bến đò hơn 1.200 quả pháo<sup>(2)</sup>.

Bất chấp sự đánh phá khốc liệt có tính hủy diệt của kẻ địch, dân quân du kích Tùng Luật, với sự hỗ trợ của nhân dân Vĩnh Giang và các xã lân cận, đã vừa

<sup>(1)</sup> Tháng 6-1966, Quân giải phóng mở Mặt trận Đường 9-Bắc Quảng Trị. Chỉ trong một thời gian ngắn, Quân giải phóng đã đánh thiệt hại nhiều đơn vị và xóa sổ nhiều căn cứ địch trên đường 9 (như Tân Lâm, Đầu Mầu, 554, ...) và gây sức ép lên các căn cứ Côn Tiên, Dốc Miếu, uy hiếp tuyến vận tải đường sông từ Cửa Việt lên Đông Hà, đẩy địch vào thế lúng túng, bị động đối phó, tuyến phòng thủ Nam Vi tuyến 17 của chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ bị xóa sổ. Đây là điều kiện thuận lợi để ta tiến tới giải phóng Khu phi quân sự Nam (từ cuối 1966 đến tháng 9-1967).

<sup>(2)</sup> Bảo tàng Quảng Trị, *Lý lịch di tích bến đò Tùng Luật*, tài liệu đánh máy, tr. 12.



Tượng đài Bến đò Tùng Luật B *Ảnh: Hà Đăng.*

bám trụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa phải đảm bảo duy trì hoạt động chi viện cho các chiến trường. Có gia đình, hai, ba thế hệ cùng sánh vai, cầm chèo tải đạn. Cha ngã xuống con lên thay, anh hi sinh đã có em tiếp bước. Chỉ hơn 6 năm, tại bến đò này đã có 29 người con của Tùng Luật đã ngã xuống, máu thịt hòa với dòng sông và hơn 40 người đã gửi lại một phần thân thể của mình. Sự hi sinh của họ không phải vô ích khi bến đò B đã đóng trọn vai trò của mình.

- *Đối với chiến trường Bắc Quảng Trị.* Từ năm 1967 đến 1973, tại bến đò B, đã có hơn 78.000 chuyến đò qua lại, vận chuyển trên 1,5 triệu lượt bộ đội, gần 400.000 lượt dân công, gần 2 vạn đồng bào Quảng Trị vừa được giải phóng sơ tán ra Vĩnh Linh theo kế hoạch K.15 năm 1972 và hàng vạn tấn lương thực, vũ khí.

Ngày cao điểm, bến đò B đã thực hiện 145 chuyến, vận chuyển qua bờ Nam hơn 1.000 người và hàng tấn vũ khí. Ngoài ra, cũng tại bến đò này đã chuyển tiếp 315 chuyến hàng từ Nghệ Tĩnh vào, chi viện cho chiến trường Quảng Trị. Hầu hết các đơn vị chủ lực từ miền Bắc vào tham chiến trên chiến trường Quảng Trị đều qua lại bến đò này, như các Sư đoàn 308, 320, 324, Lữ đoàn 126 hải quân... Đó là chưa kể các đơn vị của Trung đoàn 270, hàng ngàn lượt dân quân các xã vùng Đông Vĩnh Linh vào tham gia phối hợp chiến đấu với các đơn vị chủ lực và nhân dân vùng giải phóng Quảng Trị. Những chiến công của hàng loạt trận đánh tàu trên sông Cửa Việt, làm tê liệt tuyến vận tải của địch chi viện căn cứ Khe Sanh năm 1968, phần lớn đều do những lực lượng chi viện xuất phát từ bến đò này lập nên. Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, ngoài việc vận chuyển người và vũ khí, bến đò B còn đóng vai trò nghi binh, thu hút hỏa lực địch để xe tăng vượt bến đò A vào chiến trường an toàn và sau đó tham gia phòng ngự giữ cảng Cửa Việt trước âm mưu tái chiếm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đầu năm 1973, ...

- *Đối với đảo Cồn Cỏ.* Lợi thế tự nhiên của bến đò B khiến nó trở thành một trong những nơi xuất phát chính của tuyến vận tải chi viện cho đảo Cồn Cỏ. Từ năm 1965, trước yêu cầu chi viện *vị trí tiền tiêu* Cồn Cỏ trước sự bao vây, hủy diệt của Mỹ, với quyết tâm: *Tất cả vì đảo, "Còn đất liền còn đảo"*, hàng chục người ở Tùng Luật đã viết đơn, thậm chí có những lá đơn bằng máu, gửi lên Đảng ủy và Ban chỉ huy Xã đội Vĩnh Giang để nghị được tham gia Phân đội tiếp viện Cồn Cỏ. Con đường từ đất liền ra đảo là

“con đường máu”, trung bình 10 người lên đường thì có 5-6 người bị thương hoặc không trở về. Rất ít chuyến không gặp phải tàu chiến hay máy bay Mỹ. Lấy biển làm hầm, lấy mạn thuyền làm công sự, đánh địch mà đi, vượt mưa bom bão đạn mà tiến, trong hơn 6 năm, tại bến đò này 351 chuyến thuyền đã xuất phát, chi viện cho Côn Cỏ trên 3.000 tấn lương thực, vũ khí. Tiêu biểu cho sự đóng góp của nhân dân Vĩnh Giang nói chung và Tùng Luật nói riêng đối với Côn Cỏ là anh hùng Lê Văn Ban. Anh đã có hàng chục chuyến đi tiếp viện Côn Cỏ. Có chuyến, thuyền của anh gặp tàu địch và bão biển, dạt vào biển Triệu Phong, anh đã cùng đồng đội lên bờ tham gia chiến đấu chống càn với nhân dân địa phương, sau đó ra Vĩnh Linh, lại tiếp tục đi biển, tiếp tế Côn Cỏ.

- Ngoài ra, một chiến công còn được ít biết đến tại bến đò B là việc cứu trợ nhân dân bờ Nam sơ tán năm 1967. Tháng 5-1967, nhằm “giải tỏa” Khu phi quân sự Nam đã được ta giải phóng, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đề ra kế hoạch Lam Sơn 54, bốc toàn bộ dân vùng Nam sông Hiền Lương đưa vào các khu tập trung để tiến tới xây dựng hàng rào điện tử Mc Namara<sup>(1)</sup>. Sáng ngày 18-5-1967, hơn 7.000 lính thủy đánh bộ Mỹ thuộc Sư đoàn 3, được sự yểm hộ của máy bay, xe tăng, pháo binh, tàu chiến, đánh vào Khu phi quân sự Nam. Một bộ phận nhân dân đã chạy ra bờ sông Hiền Lương kêu cứu và vượt ra Bắc. Mặc dù không lường trước được tình hình và không có phương án tác chiến, nhưng trong phút chốc, tất cả những gì có thể làm phương tiện vượt sông ở bờ Bắc đều được đưa xuống nước: Thuyền gỗ, thuyền nan, cây chuối, cánh

cửa, tấm phán..., không còn gì thì bơi sang diu đồng bào. “Hàng trăm người dân chài Tùng Luật đã lao xuống nước. Bác Phạm Hệ vừa đội chiếc thuyền nan ra đến bến thì một anh dân quân chạy đến giằng lấy thuyền: “Chú vô hầm đi, để tui”<sup>(2)</sup>. Ông lão quắc mắt, gạt anh con trai loè khoè sang một bên: “Tau không vô, lúc ni mà ngồi hầm thà chết còn hơn”. Cô Mai, công nhân Xưởng gỗ Lê Thế Hiếu về thăm mẹ ốm, cũng cầm con sào chạy xuống sông. Không còn thuyền, cô vớ ba cột buồm bằng tre lỏ ô buộc lại rồi đẩy sang sông. Người đến nhanh nhất, nhanh hơn cả bác Hệ và cô Mai là một chú bé mới mười hai tuổi: em Trần Thắng, con anh Cáo. Vừa biết chuyện, Thắng lập tức vượt khỏi hầm, đẩy chiếc thuyền câu của nhà mình xuống sông...”<sup>(3)</sup>. Hàng trăm người dân ở bờ Nam Hiền Lương đã thoát khỏi sự kìm kẹp của địch bởi những tình cảm và sự hi sinh như thế của nhân dân Vĩnh Linh nói chung và Tùng Luật nói riêng.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết (27-1-1973), bến đò Tùng Luật B chấm dứt vai trò vận tải phục vụ chiến trường, trở lại với cuộc sống. Ngày 27-9-1996, bến đò Tùng Luật B được Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định công nhận là Di tích Lịch sử-Văn hóa Quốc gia ■

<sup>(1)</sup> Thiếu tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh Quân đoàn I kiêm Tư lệnh Vùng I chiến thuật, Công văn số 7737/VICT/XDNT/BTV gửi Thiếu tướng Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương v/v kết quả công tác di dân vùng giới tuyến, ngày 14-4-1967. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, phòng PTTg 23.307.

<sup>(2)</sup> “Tui” tức là “tôi” – tiếng địa phương (HCH).

<sup>(3)</sup> Vũ Kỳ Lân-Nguyễn Sinh, *Ký sự miền đất lửa*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 199.